

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH QUẢNG TRỊ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2026/HS-PT

Ngày 25/9/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hoài Thủy;

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thanh Nhàn và ông Dương Viết Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2026, tại phòng xét xử hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 113/2026/TLPT-HS ngày 13 tháng 8 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2026/QĐXXPT-HS ngày 27/8/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44 ngày 10/9/2026 đối với bị cáo:

Văn Thị Phương L, sinh ngày 15/9/1971 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: **Khu phố A, phường Đ, tỉnh Quảng Trị**; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông **Văn Ngọc H** (đã chết) và bà **Phạm Thị Đ** (đã chết); chồng: Đã ly hôn; có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2011.

- Tiền án: Ngày 26/9/2025, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 100.000.000 đồng về tội “Buôn bán hàng cấm” theo Bản án số 63/2025/HSST. Chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: Ngày 15/3/2024, bị **UBND huyện C** (cũ) xử phạt vi phạm hành chính 7.500.000 đồng về hành vi “Vận chuyển hàng cấm” theo Quyết định số 413/QĐ-XPVPHC.

- Nhân thân:

+ Ngày 04/3/2016, bị **UBND thành phố Đ** (cũ) xử phạt vi phạm hành chính 10.000.000 đồng về hành vi “Mua, bán công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép” theo Quyết định số 324/QĐ-XPVPHC.

+ Ngày 29/5/2019, bị **UBND huyện C** (cũ) xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000 đồng về hành vi “*Vận chuyển công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép*” theo Quyết định số 1010/QĐ-XPVPHC.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 10/2025, **Văn Thị Phương L** nảy sinh ý định mua pháo hoa nổ về bán kiếm lời trong dịp Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán. Để thực hiện ý định này, **L** tìm nguồn mua pháo hoa nổ từ nhiều người khác nhau. Đến khoảng cuối tháng 10/2025, thông qua việc buôn bán tại **chợ Đ1**, **L** quen biết một người phụ nữ tên **T** (không rõ nhân thân, lai lịch). Quá trình trao đổi, **L** nói với **T** về việc cần mua pháo để bán kiếm lời trong dịp Tết; nếu có người bán thì giới thiệu cho **L**, đồng thời dẫn Thủy đến nhà **L** tại **Kiệt B đường L, phường Đ**. Khoảng vài ngày sau, **T** mang đến nhà **L** bán 05 hộp pháo hoa nổ loại 49 ống với giá 480.000 đồng/01 hộp và nhận tiền mặt. Tại đây, **L** nói với **T** nếu có người bán pháo thì đưa trực tiếp đến nhà **L** theo địa chỉ trên.

Trong khoảng tháng 11/2025, có nhiều người phụ nữ khác nhau (không rõ nhân thân, lai lịch) mang pháo đến bán cho **L** khoảng 20 lần, mỗi lần từ 05 đến 10 hộp pháo hoa nổ với giá theo thỏa thuận. Đối với các loại pháo hoa nổ khác, giá được thỏa thuận trực tiếp. Số pháo này được **L** nguy trang, bao bọc như hàng hóa và cất giấu tại nhiều vị trí trong nhà. Đến khoảng đầu tháng 12/2025, **L** gặp và quen biết **Nguyễn Thị Mỹ H1** đang bán hàng tại khu vực **chợ Đ1**. **L** nói với **H1** nếu có pháo thì mua về bán lại cho **L**, **H1** đồng ý. **L** và **H1** thống nhất giá pháo hoa nổ loại 49 ống là 500.000 đồng/01 hộp; đối với các loại pháo khác, giá theo thỏa thuận.

Ngày 09/12/2025, **H1** đến gặp **L** và bán 04 hộp pháo hoa nổ loại 49 ống với giá 500.000 đồng/01 hộp; **L** trả cho **H1** 2.000.000 đồng và cất giấu số pháo trên tại hiên nhà. Ngày 12/12/2025, **H1** tiếp tục đến gặp **L** và bán 04 hộp pháo hoa nổ loại 49 ống với giá 500.000 đồng/01 hộp; **L** trả cho **H1** 2.000.000 đồng. Số pháo **H1** bán cho **L** trong 02 ngày trên được **L** gói chung rồi cất giấu tại hiên nhà. Sáng ngày 18/12/2025, **L** sử dụng số thuê bao 0972.290.054 gọi cho **Nguyễn Thị Mỹ H1** qua số thuê bao 0826.532.475 hỏi có pháo hoa nổ không thì **H1** trả lời có. Sau đó, **H1** tiếp tục mua của người phụ nữ trên 04 hộp pháo hoa nổ loại 49 ống với giá 350.000 đồng/01 hộp và 02 dây pháo nổ với giá 130.000 đồng/01 dây. Đến khoảng 10 giờ 50 phút cùng ngày, **H1** gọi lại cho **L** rồi điều khiển xe mô tô nói trên đến nhà **L**. Khoảng 11 giờ 30 phút, trong lúc **L** về nhà để nhận số pháo đã mua của **H1** thì bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số pháo trên. Quá trình bắt quả tang, Cơ quan Công an còn phát hiện nhiều hộp pháo hoa nổ được **L** cất giấu tại nhiều vị trí ở hiên nhà, phòng khách, phòng bếp và phòng kho.

Tại Kết luận giám định số 1896/KL-KTHS ngày 25/12/2025 của **Phòng K Công an tỉnh Q**, kết luận:

(1). Mẫu vật được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T1 gửi đến giám định gồm:

+ 02 vật dạng chuỗi, vỏ ngoài mỗi vật bọc bao nylon màu đỏ có chữ nước ngoài và ký hiệu INFINITY CS688 là pháo nổ. Khối lượng: 1,2kg.

+ 04 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu KS4-49AB là pháo hoa nổ. Khối lượng: 7kg.

(2). 03 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu KS4-4911X được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T1-1 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 5,2kg.

(3). 06 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu C1759A được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T2-1 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 13,2kg.

(4). 08 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu KS4-4911X được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu H1 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 14,5kg.

(5). 08 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu KS4-4911X được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T4-1 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 14,6kg.

(6). 08 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu KS4-4911X được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T5-1 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 14,8kg.

(7). 08 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu KS4-4911X được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T6-1 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 14,6kg.

(8). 08 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu KS4-4911X được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T7-1 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 14kg.

(9). 08 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu KS4-4911X được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T8-1 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 14,6kg.

(10). 07 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu KS4-4911X được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T9-1 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 12,4kg.

(11). 06 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu C1759A được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T10-1 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 13kg.

(12). 08 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu KS4-4911X được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T11-1 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 14kg.

(13). 09 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu KS4-49AB được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T12-1 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 15,6kg.

(14). 03 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu KS4-49AB, 02 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu KS4-4911X và 04 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu OK04-23-01 được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T13-1 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 16kg.

(15). 07 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu KS4-4911X được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T14-1 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 12,2kg.

(16). 03 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu OK04-23-01 và 02 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu C0833 được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T01-2 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 8,2kg.

(17). 14 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu KS4-4911X và 01 hộp, vỏ ngoài hộp bọc giấy có ký hiệu C0845 được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T01- 3 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 26,2kg.

(18). 18 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu OK04-23-01 được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T02-3 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 32,3kg.

(19). 09 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu KS4-4911X được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T01-4 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 15,5kg.

(20). 24 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu KS4-49AB được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T02-4 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 40,7kg.

(21). 20 hộp, vỏ ngoài mỗi hộp bọc giấy có ký hiệu KS4-49AB và 01 hộp, vỏ ngoài hộp bọc giấy có ký hiệu OK04-23-01 được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu T03-4 gửi đến giám định là pháo hoa nổ. Khối lượng: 35,7kg.

Tổng khối lượng toàn bộ mẫu vật gửi đến giám định là 355,5 kg.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2026/HSST ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Quảng Trị đã quyết định: Tuyên bố bị cáo **Văn Thị Phương L** phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Văn Thị Phương L**: 10 năm 06 tháng (Mười năm sáu tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2025 đến ngày 11/02/2026.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/7/2026, bị cáo **Văn Thị Phương L** làm đơn kháng cáo xin được giảm bớt hình phạt tù.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Áp dụng Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng thêm điều kiện khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Văn Thị Phương L để sửa án sơ thẩm về phần hình phạt. Giảm cho bị cáo **Văn Thị Phương Liên T1** 15 tháng tù đến 18 tháng tù.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo **Văn Thị Phương L** phù hợp với quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự về chủ thể và thời hạn kháng cáo, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội:

Với mục đích mua pháo hoa nổ về bán kiếm lời trong dịp Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán, từ tháng 11/2025 đến ngày 18/12/2025, **Văn Thị Phương L** đã nhiều lần mua pháo nổ, pháo hoa nổ của nhiều người, với tổng khối lượng 355,5 kg, nhằm bán lại cho người khác để thu lợi bất chính. Hành vi của bị cáo **Văn Thị Phương L** đã phạm tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Văn Thị Phương L**, thấy rằng:

Bị cáo **Văn Thị Phương L** phải chịu tình tiết tăng nặng tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, nhân thân xấu. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Xét mức hình phạt 10 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ nhưng có phần nghiêm khắc. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính theo quyết định của bản án sơ thẩm. Đây là tình tiết mới, thể hiện ý thức khắc phục hậu quả và chấp hành nghĩa vụ của bị cáo, cần được xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Văn Thị Phương L**; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2026/HS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Quảng Trị về phần hình phạt.

2. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Văn Thị Phương L** 09 (chín) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2025 đến ngày 11/02/2026.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí: Bị cáo **Văn Thị Phương L** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS khu vực 5, Quảng Trị;
- CQCSĐT CA Quảng Trị;
- PV06, Công an tỉnh Quảng Trị;
- TAND khu vực 5 Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Lưu, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Hoài Thủy